

Số: 4686/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn liên kết đào tạo với nước ngoài giữa trường Đại học Kinh tế và Đại học Troy, Hoa Kỳ, chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh, do đối tác cấp bằng

### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ ban hành Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-ĐHQGHN ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về quản lý và tổ chức liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 4644/TB-ĐHQGHN ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội về Kết luận của Hội đồng thẩm định đề án gia hạn liên kết đào tạo với nước ngoài giữa trường Đại học Kinh tế và Đại học Troy, chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh, do đối tác cấp bằng;

Theo Công văn số 4719/ĐHKT-ĐTQT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của trường Đại học Kinh tế về việc hoàn thiện đề án gia hạn chương trình cử nhân liên kết đào tạo với trường Đại học Troy, Hoa Kỳ;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt gia hạn liên kết đào tạo chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh, do đối tác cấp bằng liên kết đào tạo giữa các Bên:

**1. Bên Việt Nam: Trường Đại học Kinh tế- Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)**

- Trụ sở: Nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 024 -37547506      - Telex/Fax: 024 37546765
- Website: www.ueb.edu.vn      - Email: ltthanh@vnu.edu.vn
- Quyết định thành lập: Quyết định số 290/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

## **2. Bên nước ngoài: Đại học Troy, Hoa Kỳ**

- Trụ sở: 216 Adams Administration Building, Troy, Alabama 36082
- Điện thoại: 1-334-670-3104
- Website: <http://www.troy.edu>
- Giấy phép thành lập: Văn bản thành lập trường số 815-493 ngày 02 tháng 2 năm 1887 của Bang Alabama

**Điều 2.** Trường Đại học Kinh tế và Đại học Troy, Hoa Kỳ có trách nhiệm tuân thủ luật pháp, quy định của Việt Nam, quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài của ĐHQGHN và thực hiện đúng nội dung chương trình đào tạo, những cam kết, kế hoạch được trình bày trong Hồ sơ gia hạn liên kết đào tạo chương trình cử nhân Quản trị Kinh doanh, do đối tác cấp bằng với những nội dung chính như sau:

### *1. Đối tượng tuyển sinh:*

a) Người Việt Nam đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và đạt các điều kiện tuyển sinh của chương trình, có đủ sức khỏe để học tập, có tư cách và phẩm chất đạo đức tốt, không ở trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương được xét tuyển vào học theo quy định hiện hành liên quan của hai bên.

### *2. Điều kiện tuyển sinh*

Thí sinh đạt 03 điều kiện sau:

**a) Điều kiện 1:** Học sinh tốt nghiệp THPT và điểm trung bình chung từng năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6.5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0).

### **b) Điều kiện 2:**

- Đối với thí sinh xét kết quả thi tốt nghiệp THPT vào năm tuyển sinh tương ứng: Đáp ứng yêu cầu ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào hàng năm của trường Đại học Kinh tế đối với chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh liên kết với Đại học Troy (không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào hàng năm của ĐHQGHN), trong

đó điểm trung bình chung các môn thi tốt nghiệp THPT đạt 5.0 trở lên, điểm Tiếng Anh đạt tối thiểu 6.5, không có điểm liệt với các môn còn lại. Tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi THPT gồm: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh (A01); Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07); Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08).

*Hoặc*

- Đối với thí sinh xét kết quả học tập ở lớp 12 bậc THPT: Tổng điểm các môn học của 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển nêu trên của năm lớp 12 đạt 20.0 điểm trở lên; trong đó điểm trung bình môn Tiếng Anh lớp 12 đạt tối thiểu 7.0/10.0.

*Hoặc*

- Đối với thí sinh xét điểm thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN: Có kết quả bài thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN đạt tối thiểu 80/150.

*Hoặc*

- Đối với thí sinh xét tuyển theo các bài thi chuẩn hóa, chứng chỉ quốc tế: Bài thi ACT đạt tối thiểu điểm 20/36 (trong đó điểm thành phần Tiếng Anh tối thiểu là 18) hoặc SAT đạt từ 1050/1600 điểm trở lên (trong đó điểm đọc và viết không dưới 480) hoặc A-level do Hội đồng Khảo thí Quốc tế Cambridge cấp với kết quả 3 môn học theo các khối xét tuyển tương ứng (các môn: Toán-Lý-Hóa-Sinh-tiếng Anh...) đạt điểm C trở lên. Các bài thi chuẩn hóa, chứng chỉ phải còn hạn sử dụng trong vòng 02 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.

**c) Điều kiện 3:** Có chứng chỉ Tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ Tiếng Anh B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu, TOEFL iBT 72; IELTS 5.5 hoặc tương đương (còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ).

Trường hợp thí sinh được xét tuyển thẳng vào chương trình khi tốt nghiệp THPT và có điểm trung bình chung 4/6 học kỳ ở bậc THPT đạt tối thiểu 8,0 theo thang điểm 10 (hoặc 3.50 theo thang điểm 4.0), hai học kỳ còn lại đạt từ 7,0/10 trở lên (hoặc 3.0 theo thang điểm 4.0) và có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu IELTS 5.5; TOEFL iBT 72; B2 CEFR còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

**3. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển

**4. Chương trình đào tạo:** Chương trình đào tạo được áp dụng nguyên khung chương trình đã được kiểm định của Đại học Troy. Chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành (major) “Kinh doanh toàn cầu” có 2 định hướng chuyên sâu (concentration) về “Quản lý” và “Phân tích dữ liệu”, gồm 44 học phần, tương đương 122 tín chỉ (khung chương trình đào tạo đính kèm). Đại học Troy đảm nhiệm

20 học phần (tương đương 52 tín chỉ), trường Đại học Kinh tế chịu trách nhiệm giảng dạy 24 học phần (tương đương 70 tín chỉ) trong chương trình.

*5. Hình thức và thời gian đào tạo:*

- Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hình thức trực tiếp (những học phần do giảng viên Đại học Troy giảng dạy có sử dụng hệ thống CANVAS của Đại học Troy). Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng (như dịch bệnh, thiên tai...) trường Đại học Kinh tế phải báo cáo ĐHQGHN trước khi triển khai đào tạo các học phần theo phương thức trực tuyến. Việc đào tạo trực tuyến phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian đào tạo chính thức: 3.5 năm/khóa, thời gian đào tạo tối đa theo quy định của Đại học Troy.

*6. Ngôn ngữ giảng dạy:* Tiếng Anh.

*7. Đội ngũ giảng viên:*

Giảng viên Đại học Troy và giảng viên trường Đại học Kinh tế, giảng viên thỉnh giảng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và năng lực Tiếng Anh đáp ứng yêu cầu giảng dạy của chương trình và đáp ứng các quy định hiện hành của Việt Nam cùng tham gia giảng dạy.

*8. Chỉ tiêu tuyển sinh:*

Chỉ tiêu tuyển sinh được cấp hàng năm theo quy định của ĐHQGHN, dự kiến là 270 sinh viên/năm.

*9. Địa điểm đào tạo:* Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN - Số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Sinh viên có nguyện vọng và đáp ứng điều kiện có thể chuyển tiếp sang học tập tại Đại học Troy, Hoa Kỳ.

*10. Tốt nghiệp và văn bằng*

- Tốt nghiệp: Hoàn thành chương trình đào tạo 122 tín chỉ với điểm trung bình chung đạt từ 2.0/4.0 trở lên, hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với chương trình và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của trường Đại học Troy.

- Văn bằng: Cử nhân Quản trị kinh doanh (Bachelor of Science in Business Administration) do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp.

*11. Kinh phí đào tạo và quản lý tài chính:*

- Các khoản phí và học phí trong chương trình do người học tự đóng góp. Học phí khóa học chuẩn áp dụng cho khóa tuyển sinh năm học 2022 – 2023 là 289.317.000 VND/khóa (tương đương 12.579 USD); khóa tuyển sinh từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 9 năm 2026 là 338.599.000 VND/khóa (tương đương 14.200 USD)

áp dụng tỷ giá ngoại tệ ngân hàng Vietcombank tại thời điểm thu học phí). Chính sách học bổng của chương trình sẽ được Nhà trường công bố trong thông báo tuyển sinh hằng năm.

- Những điều chỉnh liên quan đến mức học phí (nếu có) phải được ĐHQGHN phê duyệt trước khi áp dụng. Trường quản lý tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN.

**Điều 3.** Sau mỗi năm học, trường Đại học Kinh tế và Đại học Troy, Hoa Kỳ chịu trách nhiệm báo cáo ĐHQGHN về các hoạt động liên quan đến tổ chức thực hiện và quản lý chương trình liên kết đào tạo này và định kỳ cập nhật cơ sở dữ liệu về liên kết đào tạo với nước ngoài theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 4.** Thời hạn hoạt động của chương trình liên kết đào tạo là 04 năm (tính đến ngày 21 tháng 9 năm 2026 - thời hạn hiệu lực của Thỏa thuận hợp tác ký ngày 22 tháng 9 năm 2022).

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Đào tạo, Trưởng ban Kế hoạch - tài chính, Trưởng ban Hợp tác và Phát triển, Trưởng ban Thanh tra và Pháp chế, Viện trưởng Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Hiệu trưởng Đại học Troy, Hoa Kỳ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Cục Quản lý chất lượng (để b/c);
- GD. Lê Quân (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, NTh5.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Hải**

**PHỤ LỤC**  
**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI**  
**GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ ĐẠI HỌC TROY, HOA KỲ,**  
**DO ĐỐI TÁC CẤP BẰNG**

(Ban hành theo Quyết định số 4686/QĐ-ĐHQGHN, ngày 30 tháng 12 năm 2022  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

**1. Thông tin chung về chương trình cử nhân**

- Tên ngành đào tạo :
  - + Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
  - + Tên tiếng Anh: Business Administration
- Thời gian đào tạo: 3,5 năm (thời gian đào tạo kéo dài theo quy định của trường đối tác).
- Tổng số tín chỉ: 122 tín chỉ, Cụ thể:
  - + Khối kiến thức chung (General Study Courses): 49 tín chỉ
  - + Khối kiến thức quản trị kinh doanh (Business Core) : 37 tín chỉ
  - + Kiến thức chuyên ngành bắt buộc (Major Requirements): 18 tín chỉ
  - + Kiến thức chuyên ngành sâu lựa chọn (Concentration): 18 tín chỉ
- Luận văn: Không
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Bachelor of Science in Business Administration
- Đơn vị cấp bằng: Đại học Troy, Hoa Kỳ.

**2. Khung chương trình đào tạo**

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>Khối kiến thức chung/General Studies Courses</b> (Điểm yêu cầu đạt C trở lên)			<b>49</b>				<b>IELTS 5.5</b>
1	<b>INE 1001</b> (TROY 101/TR)	University Orientation <i>Định hướng đại học</i>	1	15	0	0	Trường ĐH Kinh tế mã học phần thêm "TR"

2	<b>BSA 1057</b> (ART 133/TR)	Arts and Humanity <i>Nghệ thuật và Nhân văn</i>	2	27	3	0	
3	<b>MUS 1001</b> (MUS 131/TR)	Music Appreciation <i>Đánh giá/cảm thụ Âm nhạc</i>	2	27	3	0	
4	<b>GEO 1050</b> (SCI/L233/ TR)	Earth & Life Science <i>Khoa học sự sống và Trái đất</i>	4	55	5	0	
5	<b>HIS 1053</b> (HIS 122/TR)	World Civilization History to 1500 <i>Lịch sử văn minh thế giới đến năm 1500</i>	3	42	3	0	
6	<b>HIS 1055</b> (HIS 123/TR)	World Civilization History from 1500 <i>Lịch sử văn minh thế giới từ năm 1500</i>	3	42	3	0	
7	<b>MAT 1092</b> (MTH 112/TR)	Advanced Mathematics <i>Toán cao cấp</i>	3	45	0	0	
8	<b>INT 1004</b> (IS 241/TR)	Introduction to Informatics <i>Tin học đại cương</i>	3	45	0	0	
9	<b>INE 1050</b> (ECO 252/TR)	Microeconomics <i>Kinh tế vi mô</i>	3	45	0	0	
10	<b>INE 1051</b> (ECO 251/TR)	Macroeconomics <i>Kinh tế vĩ mô</i>	3	45	0	0	INE 1050 (ECO 252/TR)
11	<b>MAT 1005</b> (MTH 201/TR)	Mathematics for Economists <i>Toán kinh tế</i>	3	45	0	0	MAT 1092 (MTH 112/TR)
12	<b>BIO 1061</b> (BIO/L100/ TR)	Basic Biology and Lab <i>Sinh học đại cương và thí nghiệm</i>	4	55	5	0	
13	<b>ENG 2075</b> (COM 241/TR)	Fundamentals of Speech <i>Nguyên tắc thuyết trình</i>	3	45	0	0	
14	<b>ENG 1101</b>	Composition and Modern English I <i>Phương pháp viết luận và tiếng Anh hiện đại I</i>	3	45	0	0	
15	<b>ENG 1102</b>	Composition and Modern English II <i>Phương pháp viết luận và</i>	3	45	0	0	ENG 1101

		<i>tiếng Anh hiện đại II</i>					
16	<b>ENG 2205</b>	World Literature before 1660 <i>Văn học thế giới trước 1660</i>	3	45	0	0	ENG 1102
17	<b>ENG 2206</b>	World Literature after 1660 <i>Văn học thế giới sau 1660</i>	3	45	0	0	ENG 1102
<b>Khối kiến thức quản trị kinh doanh (Business Core), học phần bắt buộc và phải đạt điểm C trở lên)</b>			<b>37</b>				
18	<b>BSA 2001</b> (ACT 291/TR)	Principles of Accounting I <i>Nguyên lý kế toán I</i>	3	45	0	0	MAT 1092 (MTH 112/TR)
19	<b>BSA 2020</b> (ACT 292/TR)	Principles of Accounting II <i>Nguyên lý kế toán II</i>	3	45	0	0	BSA 2001 (ACT 291/TR)
20	<b>BSL 2050</b> (LAW 221/TR)	Business Law <i>Luật kinh doanh</i>	3	45	0	0	INE 1051 (ECO 251/TR)
21	<b>BSA 1053</b> (QM 241/TR)	Principles of Economics Statistics <i>Các nguyên lý thống kê kinh tế</i>	3	45	0	0	MAT 1092 (MTH 112/TR)
22	<b>BSA 2004</b> (MGT 300/TR)	Principles of Management <i>Nguyên lý quản trị</i>	3	45	0	0	INE 1051 (ECO 251/TR)
23	<b>BSA 2002</b> (MKT 300/TR)	Principles of Marketing <i>Nguyên lý Marketing</i>	3	45	0	0	
24	<b>BUS 3310</b>	Intermediate Excel <i>Excel nâng cao</i>	1	15	0	0	Tất cả các học phần có mã đầu 1 và 2 (đạt điểm C trở lên)
25	<b>BUS 1110</b>	Orientation to Sorrell College of Business <i>Hướng dẫn về Trường Kinh doanh Sorrell</i>	1	15	0	0	
26	<b>BUS 2220</b>	Business Writing <i>Văn bản trong kinh doanh</i>	1	15	0	0	
27	<b>BUS 3330</b>	Professional Development <i>Phát triển chuyên môn nghề nghiệp</i>	1	15	0	0	



28	<b>IS 3310</b> (FIB 3009)	Electronic Business and Data Analysis <i>Kinh doanh điện tử và Phân tích Dữ liệu</i>	3	30	10	5	
29	<b>FIN 3331</b> (BSA 2018)	Managerial Finance <i>Quản lý tài chính</i>	3	30	10	5	
30	<b>QM 3345</b> (BSA 2014)	Operations Management <i>Quản trị tác nghiệp</i>	3	30	10	5	
31	<b>BUS 4474</b> (BSA 3040)	Business & Society <i>Kinh doanh và xã hội</i>	3	30	10	5	Tất cả các học phần có mã đầu 3, tích lũy tối thiểu 90 tín chỉ
32	<b>BUS 4476</b> (BSA 2005)	Strategic Management <i>Quản trị chiến lược (last semester)</i>	3	30	10	5	Học kỳ cuối
<b>Khối kiến thức chuyên ngành về kinh doanh quốc tế</b> <b>Global Business Major Requirement</b>			<b>18</b>				
33	<b>ECO 4451</b>	Economics of Globalization <i>Kinh tế toàn cầu hóa</i>	3	45	0	0	INE 1051 (ECO 251/TR)
34	<b>MGT 375/TR</b>	Human Resource Management <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>	3	45	0	0	Tất cả các học phần có mã đầu 1 và 2
35	<b>BSA 2025</b> (MGT 471/TR)	Leadership <i>Lãnh đạo học</i>	3	45	0	0	BSA 2004 (MGT 300/TR)
36	<b>MKT 4468</b>	Global Marketing <i>Marketing toàn cầu</i>	3	30	10	5	Tất cả các học phần có mã đầu 3
37	<b>MGT 4478</b>	Managing in Global Environment (capstone) <i>/ Quản trị trong môi trường toàn cầu</i>	3	30	10	5	ECO 4451, HRM 3375, MGT 4471, MKT 4468
<b>Tự chọn: 3 tín chỉ</b>							
38	<b>BSA 3013</b> (MKT 462/TR)	Consumer Behaviour <i>Hành vi người tiêu dùng</i>	3	45	0	0	BSA 2002 (MKT 300/TR)
39	<b>INE 3081</b> (MKT 465/TR)	Supply Chain Management <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i>	3	45	0	0	Tất cả các học phần có mã đầu 3

							(UEB: mã TR)
<b>Chuyên sâu về quản lý Management Concentration</b>			<b>18</b>				
40	<b>MGT 4450</b>	Corporate Social Responsibility and Sustainability <i>Trách nhiệm xã hội và tính bền vững của doanh nghiệp</i>	3	30	10	5	Tất cả các học phần có mã đầu 3
41	<b>MGT 4472</b> (MSN 4010)	Organizational Behavior <i>Hành vi tổ chức</i>	3	30	10	5	
42	<b>BSA 2030</b> (MGT 440/TR)	Effective Team Development & Leadership <i>Lãnh đạo và phát triển nhóm hiệu quả</i>	3	45	0	0	BSA 2004 (MGT 300/TR)
43	<b>MGT 4479</b>	Management Seminars (Capstone for Mgt) <i>Nghiên cứu chuyên đề về Quản lý</i>	3	30	10	5	Tất cả các học phần có mã đầu 2,3 và MGT 4440, MGT 4450 MGT 4472
<b>Tự chọn: 6 tín chỉ</b>							
44	<b>BSA 3036</b> (MGT 460/TR)	Project Management <i>Quản trị dự án</i>	3	45	0	0	BSA 2004 (MGT 300/TR)
45	<b>HRM 4483</b> (BSA 2006)	Human Resource Development <i>Phát triển nguồn nhân lực</i>	3	45	0	0	Tất cả các học phần có mã đầu 3
46	<b>MGT 4475</b>	Entrepreneurial Management <i>Quản lý doanh nhân</i>	3	30	10	5	
47	<b>HMR 4481</b>	Staffing <i>Nhân sự</i>	3	30	10	5	
<b>Chuyên sâu về phân tích dữ liệu Data Analytics Concentration</b>			<b>18</b>				
48	<b>IS 3346</b>	Database MGT System I <i>Hệ thống Quản lý cơ sở dữ liệu I</i>	3	30	10	5	Tất cả các học phần có mã đầu 1,2, IS 3310
49	<b>IS 3350</b>	Business Programming <i>Lập trình kinh doanh</i>	3	30	10	5	
50	<b>DA 4410</b>	Business Data Mining <i>Khai thác dữ liệu kinh</i>	3	30	10	5	Tất cả các học phần có mã



		<i>doanh</i>					đầu 3
51	<b>DA 4415</b>	Big Data Analytics and Visualization (Capstone for DA concentration) <i>Phân tích dữ liệu lớn và trực quan hóa</i>	3	30	10	5	
<b>Tự chọn: 6 tín chỉ</b>							
52	<b>BSA 3012</b> (MKT 464/TR)	Marketing Research <i>Nghiên cứu Marketing</i>	3	45	0	0	BSA 2002 (MKT 300/TR)
53	<b>FIB 3004</b> (FIN 432/TR)	Investment <i>Quản lý đầu tư</i>		45	0	0	BSA 2004 (MGT 300/TR)
54	<b>BSA 3036</b> (MGT 460/TR)	Project Management <i>Quản trị dự án</i>	3	45	0	0	
55	<b>MKT 4465</b> (INE 3081)	Supply Chain Management <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i>		30	10	5	Tất cả các học phần có mã đầu 3
56	<b>IS 4440</b>	knowledge MGT/BUS Intelligence <i>Quản trị tri thức/Kinh doanh thông minh</i>		30	10	5	
<b>TỔNG</b>			<b>122</b>				

Chương trình có thể được cập nhật, điều chỉnh theo quy định hiện hành của hai bên và được sự chấp thuận của ĐHQGHN. ✓